

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ YÊN BÁI
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 05 - 7 - 2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Độ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Thanh Hải và bà Nguyễn thị Băng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thao - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 3 năm 2020 và thông báo mở lại phiên tòa số: 14/2020/QTXX ngày 19 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T. Có mặt

Địa chỉ: Thôn 02, xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Bị đơn: Anh Ngô Tuấn H. Vắng mặt có lý do.

HKTT: Tổ 7, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Hiện đang cải tạo tại đội 25, phân trại số 02; Trại Giam Hồng Ca - Cục cảnh sát quản lý trại giam – CSGDBB - TGD - Bộ Công An; địa chỉ: Xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21- 02 -2020 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình giải quyết tại tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Ngô Tuấn H vào ngày 15 tháng 4 năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện, có tình hiểu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H nghiện ma túy quá

trình chung sống anh H không làm tròn bổn phận người chồng, người cha trong gia đình, mâu thuẫn đã được hai bên khuyên giải nhưng anh H không thay đổi, anh H đã hai lần bị Tòa án xử phạt đều về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Hiện nay đang chấp hành án tại trại giam Hồng Ca, xã Hưng Khánh, huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Tuấn H.

Về nuôi con chung: Chị và anh H có một con chung là cháu Ngô Quỳnh C, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2008. Hiện nay cháu đang ở với chị, chị có yêu cầu được nuôi cháu và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Ngô Tuấn H trình bày: Anh và chị T kết hôn với nhau vào ngày 15 tháng 4 năm 2009 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, anh, chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh và chị T không hợp nhau về cách sống. Anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con nuôi con chung: Anh xác định anh và chị T có một con chung là cháu Ngô Quỳnh C, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2008. Hiện anh H đang chấp hành án nên anh không có yêu cầu, đề nghị gì về người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Do anh H đang chấp hành án nên không đến Tòa án để tham gia tố tụng được anh H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của pháp luật. Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

Căn cứ điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Ngô Tuấn H.

- Về nuôi con chung: Giao cháu là cháu Ngô Quỳnh C, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2008 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Chị T, anh H không yêu cầu giải quyết, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 của nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt tại phiên Tòa, Căn cứ Điều 228 của BLTTDS Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt của bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Tuấn H kết hôn với nhau ngày 15 tháng 4 năm 2009 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị T và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh H sử dụng trái phép chất ma túy, hai bên gia đình chị T khuyên nhủ anh H nhiều lần nhưng anh H không thay đổi và vẫn sử dụng ma túy. Hiện nay anh H đang chấp hành án tại Trại giam Hồng Ca, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái. Chị T xác định tình cảm vợ chồng đã hết đề nghị được ly hôn với anh H.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Tuấn H đã hết, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án. Chị T có đơn yêu cầu đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, căn cứ khoản 4 Điều 207 nên Tòa án không tiến hành hòa giải. Anh H cũng đồng ý ly hôn với chị T. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh H.

[3] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Tuấn H có một con chung là cháu Ngô Quỳnh C, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2008. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy hiện nay cháu Chi đang sống ổn định cùng chị T và để phù hợp với nguyện vọng của các cháu do đó cần giao cháu Ngô Quỳnh C cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi đủ 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con (do chị T không yêu cầu).

[4] Về tài sản, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Tuấn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Ngô Tuấn H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Ngô Quỳnh C, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2008 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0005312 ngày 21-02 - 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. (Chị T đã nộp đủ tiền án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Ngô Tuấn H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30- Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tp. Yên Bái;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. Yên Bái;
- UBND p. Hồng Hà, tp Yên Bái;
- Lưu hồ sơ; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Độ